

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN PC1 – PC1

XẾP HẠNG 12 THÁNG

MUA

Giá đóng cửa 15/8/2024 ₫28.000

Giá mục tiêu 12 tháng ₫34.060

Lợi nhuận kỳ vọng 21,6%

THÔNG TIN GIAO DỊCH

Mã giao dịch	HSX: PC1
KLGD TB 52 tuần (000cp)	4.550
Khối lượng lưu hành (trcp)	310,99
Biên độ 52 tuần	20.600 ₫ – 31.800 ₫
Vốn hóa (tỷ VND)	8.708
Beta	1.31

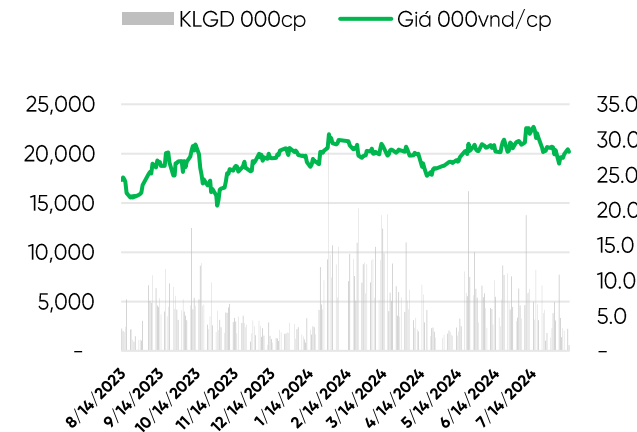
Xây lắp và Sản xuất công nghiệp phục hồi- Kết quả kinh doanh Q2 tăng trưởng mạnh mẽ.

- Giá trị hợp đồng ký mới tăng mạnh:** Giá trị xây lắp ký mới đạt 2.682 tỷ đồng, giá trị hợp đồng còn tồn (backlog) đạt 4.011 tỷ đồng. Giá trị SXCN ký mới đạt 1.456 tỷ đồng, backlog đạt 381 tỷ đồng
- Doanh thu và Lợi nhuận trước thuế Q2.2024 đạt 3.091 tỷ đồng và 95 tỷ đồng, tăng 110% và chuyển từ lỗ sang lãi:** doanh thu tăng mạnh nhờ lĩnh vực Xây lắp và SXCN tăng mạnh 120% và 206% yoy. Sản xuất điện cũng tăng 42% do thủy điện hồi phục tốt. Đặc biệt lĩnh vực khai khoáng cùng kỳ 2023 chưa có. Lũy kế 6T, doanh thu đạt 5.256 tỷ đồng (+77% yoy), Lợi nhuận trước thuế đạt 253 tỷ đồng (+201%yoy).
- Lĩnh vực khai thác khoáng sản vẫn đóng góp tích cực vào kết quả kinh doanh nhưng cũng bị ảnh hưởng do giá quốc tế:** sản lượng xuất bán đạt gần 32 nghìn tấn quặng, doanh thu đạt 816 tỷ đồng, lợi nhuận gộp đạt 171 tỷ đồng (chiếm 19% tổng lãi gộp), biên lợi nhuận gộp đạt 21% (Q2 biên lng giảm xuống 11% so với mức 28,2% của Q1 và 34,0% của năm 2023) do giá Nikel giảm trong kỳ. Sản xuất điện Q2 đạt 393 tỷ đồng (+42%yoy), lũy kế 6T đạt 749 tỷ đồng (+12%yoy) do thủy điện phục hồi và điện gió hoạt động ổn định.
- Tiến triển lạc quan lĩnh vực đầu tư BDS KCN:** Khoản đầu tư chiếm 30,08% vốn của CTCP Western Pacific (WP) mang lại lợi nhuận 42 tỷ đồng trong kỳ 6 tháng, WP cũng được chọn là chủ đầu tư 2 KCN mới có diện tích 357ha. KCN Nhật Bản – Hải Phòng hiệu quả kinh doanh tăng 20% trong kỳ, Công ty tập trung hoàn thiện pháp lý của Giai đoạn 2, kế hoạch có thể thực hiện đầu tư từ cuối năm 2024 và kinh doanh vào năm 2026.
- Chi phí tài chính Q2 tăng nhưng đã chậm lại chủ yếu do biến động tỷ giá:** chi phí tài chính đạt 267 tỷ đồng (+16%yoy), trong khi chi phí lãi vay giảm 8% so với cùng kỳ khi đạt 201 tỷ đồng. Lũy kế 6 tháng, chi phí tài chính đạt 537 tỷ đồng (+22%yoy), chi phí lãi vay đạt 382 tỷ đồng (-9% yoy). Công ty đang có khoản vay ngoại tệ giá trị 3.863 tỷ đồng tài trợ cho các dự án điện gió.

Chúng tôi dự báo doanh thu và lợi nhuận trước thuế năm 2024 lần lượt đạt 9.895 tỷ đồng và 683 tỷ đồng, lần lượt tăng 27% và 75% so với 2023. Thu nhập mỗi cổ phần đạt 1.218 đồng/cổ phiếu, tăng 168% yoy.

Sử dụng phương pháp định giá từng phần-SOTP, chúng tôi xác định giá trị cổ phiếu PC1 ở mức 34.060 đồng, cao hơn 21,6% thị giá cổ phiếu hiện tại, chúng tôi khuyến nghị MUA cổ phiếu PC1 cho khoản đầu tư 12 tháng tới.

BIẾN ĐỘNG GIÁ CỔ PHIẾU PC1



CHỈ TIÊU TÀI CHÍNH CƠ BẢN

Đơn vị: Tỷ đồng

Chỉ tiêu	2023	6T.2023	6T.2024	2024F
Doanh thu	7,775	2,977	5,256	9,895
Tăng trưởng DT	-7.0%	-0.6%	76.5%	27.3%
Lợi nhuận gộp	1,581	590	907	1,804
Lợi nhuận trước thuế	390	84	253	683
Lợi nhuận sau thuế	305	58	204	560
EBIT	1,357	525	790	1,668
EBITDA	2,120	876	1,212	2,458
Tài sản ngắn hạn	6,867	5,975	8,314	8,899
Tài sản dài hạn	13,368	13,757	13,137	12,530
Tổng tài sản	20,235	19,732	21,452	21,429
Nợ phải trả	12,964	12,663	14,037	13,513
Vốn chủ sở hữu	7,270	7,069	7,414	7,916
D/E	1.78	1.79	1.89	1.70
EPS	455	7	459	1,218
BV	16,667	18,665	17,083	17,886

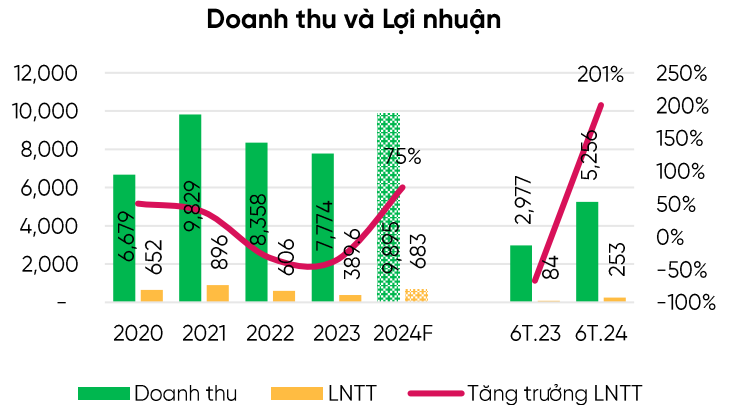
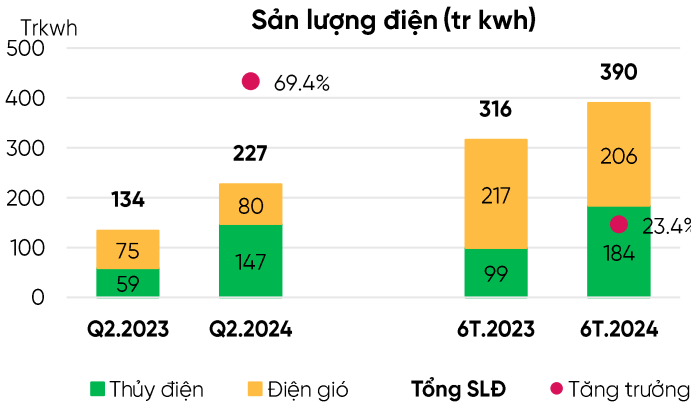
Nguồn: BCTC PC1, VPBankS Research tổng hợp

Chuyên viên phân tích

Chu Thế Huỳnh

Huynhct@VPBankS.com.vn

CHI TIẾT KẾT QUẢ KINH DOANH QII+6T.2024



Nguồn: PC1, VPBankS Research tổng hợp

Chỉ tiêu	Q2.23	Q2.24	6T.2024		So sánh			Đánh giá
			Giá trị	Tỷ trọng	QoQ	YoY	HoH	
Doanh thu thuần	1,472	3,091	5,256	100.0%	143%	210%	177%	Giá trị hợp đồng, doanh thu tăng do thị trường tăng trưởng với các dự án ngành điện, xây dựng công nghiệp. Sản lượng thủy điện Q2 tăng mạnh 149% đưa doanh thu sx điện Q2 và 6T tăng. Doanh thu Q2 giảm do sản lượng giảm mặc dù giá quảng tăng trở lại. Giá vốn tăng nhanh hơn doanh thu chủ yếu do giá vốn Xây lắp và Hàng hóa kinh doanh tăng mạnh. Chi phí giá vốn tăng nhanh hơn doanh thu khiến lãi gộp Xây lắp Q2 giảm. Kinh doanh hàng hóa cũng không hiệp quả khi lỗ gộp 5 tỷ đồng trong Q2, đưa lãi gộp giảm 50% trong 6T. Sản xuất điện vẫn mang lại hiệu quả kinh doanh vượt trội, khi lãi gộp tăng 123% trong Q2 và 24% trong 6T. Biên LNG Xây lắp giảm 58% svck xuống 7.3% trong Q2. Biên LNG khai khoáng cũng giảm 61% QoQ xuống còn 11% trong Q2. Giá quảng sau khi tăng mạnh trong tháng 3-5 lên 21.500 usd/tấn, đã điều chỉnh giảm hiện tại về mức 16.000 usd/tấn, điều này khả năng ảnh hưởng không tốt đến kết quả kinh doanh thời gian tới.
Xây lắp	539	1,188	1,752	33.3%	211%	220%	175%	
SXCN	255	781	1,068	20.3%	272%	306%	311%	
BDS	8	4	22	0.4%	22%	50%	147%	
SX điện	277	393	749	14.3%	111%	142%	112%	
Hàng hóa vật tư	209	216	545	10.4%	66%	103%	86%	
Khai khoáng		338	816	15.5%	71%			
Vận hành KCN	172	154	274	5.2%	128%	90%	94%	
Khác	12	17	30	0.6%	131%	142%	143%	
Giá vốn hàng bán	1,190	2,622	4,348		152%	220%	182%	
Lãi gộp	282	469	907	100.0%	107%	166%	154%	
Xây lắp	95	87	141	15.5%	161%	92%	101%	
SXCN	25	66	95	10.5%	228%	264%	352%	
BDS	6	3	11	1.2%	38%	50%	100%	
SX điện	98	219	399	44.0%	122%	223%	124%	
Hàng hóa vật tư	2	(5)	5	0.6%	-56%	-250%	50%	
Khai khoáng	-	37	171	18.8%	27%			
Vận hành KCN	47	60	82	9.0%	273%	128%	121%	
Khác	7	2	4	0.4%	200%	29%	33%	
Biên LNG	19.2%	15.2%	17.3%		75%	79%	87%	
Xây lắp	17.6%	7.3%	8.0%		76%	42%	58%	
SXCN	9.8%	8.5%	8.9%		84%	86%	113%	
BDS	75.0%	75.0%	50.0%		169%	100%	68%	
SX điện	35.4%	55.7%	53.3%		111%	158%	111%	
Hàng hóa vật tư	1.0%	-2.3%	0.9%		-85%	-242%	58%	
Khai khoáng	-	10.9%	21.0%		39%			
Vận hành KCN	27.3%	39.0%	29.9%		213%	143%	129%	
Khác	58.3%	11.8%	13.3%		153%	20%	23%	
Thu tài chính	30	50	94		114%	167%	99%	
Chi tài chính	230	267	537		99%	116%	122%	
Chi phí lãi vay	219	201	382		111%	92%	91%	
Chi phí quản lý DN	78	121	213		131%	155%	147%	
Lợi nhuận từ HĐKD thuần	(5)	97	255		62%	-1947%	268%	
Lợi nhuận trước thuế	(2)	95	253		60%	-4747%	301%	
Lợi nhuận sau thuế	(23)	75	204		58%	-326%	351%	
Lợi nhuận CĐ công ty mẹ	(64)	63	143		78%	-98%	7135%	
Thu nhập mỗi cổ phần	(237)	201	459		78%	-85%	6203%	
EBITDA	411	574	1,212		90%	140%	138%	

Nguồn: BCTC PC1, VPBankS Research tổng hợp

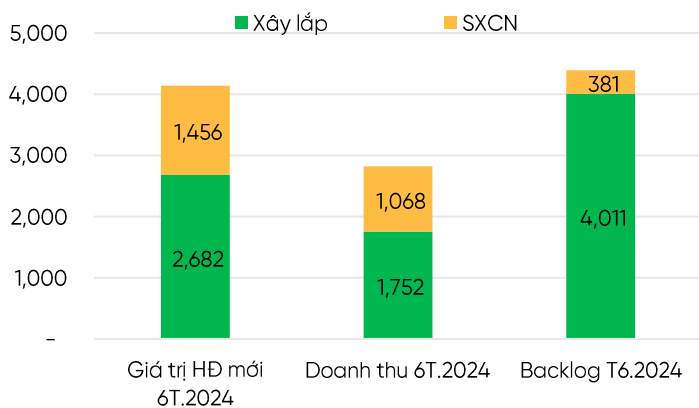
TRIỂN VỌNG KINH DOANH NỬA CUỐI NĂM 2024 CỦA PC1

Lĩnh vực Xây lắp và Sản xuất công nghiệp:

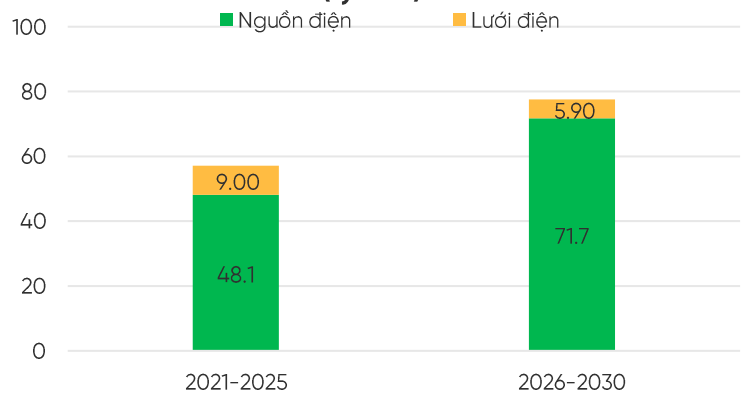
Công ty xây dựng kế hoạch năm 2024 với doanh thu đạt 5.000 tỷ đồng, giá trị ký mới là 7.500 tỷ đồng, trong đó riêng tại dự án đường dây 500KV Quảng Trạch- Phố Nối giá trị hợp đồng đạt 2.100 tỷ đồng bao gồm xây lắp và cung cấp vật tư thiết bị. Trong 6 tháng đầu năm, giá trị ký mới lần lượt đạt 2.682 tỷ đồng và 1.456 tỷ đồng, doanh thu lần lượt đạt 1.752 tỷ đồng và 1.068 tỷ đồng, mức cao nhất trong 3 năm trở lại đây. Với Backlog đến cuối tháng 6.2024 ở mức 4.392 tỷ đồng, thêm các dự án ký mới, chúng tôi dự báo doanh thu lĩnh vực xây lắp và sản xuất công nghiệp có thể tăng trưởng 35%-40% đạt 3.520-4.000 tỷ đồng.

Những năm tiếp theo, chúng tôi đánh giá triển vọng phát triển lạc quan cho lĩnh vực xây lắp điện và sản xuất công nghiệp của công ty khi **Kế hoạch thực hiện Quy hoạch điện 8** được phê duyệt sẽ cụ thể hóa các dự án đầu tư trọng điểm trong giai đoạn 2021-2030, trong đó giá trị đầu tư lưới điện truyền tải và phân phối có giá trị 15 tỷ USD, điện năng lượng tái tạo (điện gió trên bờ, trên biển) với tổng công suất là 24.220 MW, giá trị đầu tư lên đến khoảng 70 tỷ USD. Công ty cũng thực hiện phát triển lĩnh vực xây lắp sang xây dựng các công trình hạ tầng, nhà xưởng khu công nghiệp, nơi mà công ty đang chuyển hướng mạnh mẽ trong 3 năm qua.

Lĩnh vực Xây dựng và SXCN (tỷ đồng)



Giá trị đầu tư ngành điện GD 2021-2030 (tỷ USD)



Nguồn: Bộ Công thương, EVN, PC1, VPBankS Research tổng hợp

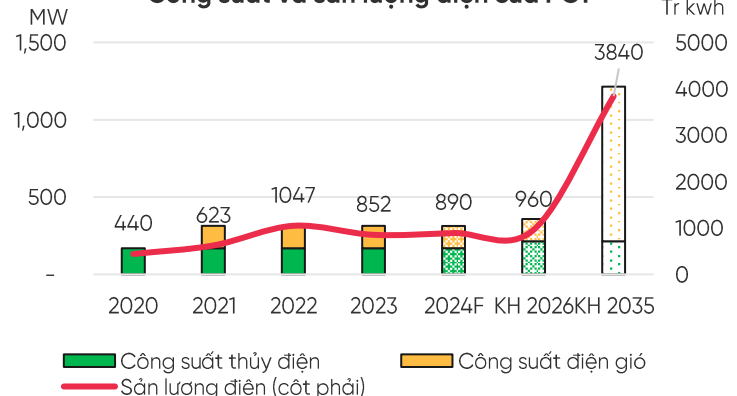
Lĩnh vực sản xuất điện: điện gió hoạt động ổn định, thủy điện đã hồi phục tốt trong Q2:

Sản lượng điện trong Q2 đạt 227 trkwh (+69% yoy) nhờ thủy điện hồi phục mạnh mẽ (tăng 149% yoy) đạt sản lượng 147 trkwh, điện gió đạt 80 trkwh (+7%yoy). Lũy kế 6 tháng, sản lượng điện đạt 390 trkw (+23%yoy).

Trong trung và dài hạn, đến năm 2026 công ty vận hành ổn định 350MW điện năng lượng tái tạo, hợp tác và phát triển thành công 1.000 MW điện gió ngoài khơi. Đến năm 2035 vận hành thành công 1.000MW điện gió ngoài khơi.

Các dự án nguồn điện mới	Giai đoạn	Vốn đầu tư (tỷ đồng)	Công suất (MW)	Sản lượng (trkwh)
Thủy điện		1.640	43	161
Thủy điện Bảo Lạc A	2024-2026	1.116	30	115
Thủy điện Thượng Hà	2024-2026	524	13	46
Điện gió dự kiến				
Hợp tác thành công	Đến 2026		1.000	
Vận hành thành công	Đến 2035		1.000	

Công suất và sản lượng điện của PC1



Nguồn: PC1, VPBankS Research tổng hợp

TRIỂN VỌNG KINH DOANH NĂM NỬA CUỐI 2024

Lĩnh vực Bất động sản Khu Công nghiệp:

Trong năm 2024, WP sẽ thực hiện bàn giao và hạch toán doanh thu lợi nhuận từ dự án KCN Yên Phong 2A. Trong 6T.2024, WP đã bàn giao đất cho khách hàng và ghi nhận 545 tỷ đồng doanh thu và 191 tỷ đồng Lợi nhuận sau thuế. Với tỷ lệ sở hữu 30,08% tại WP, PC1 ghi nhận khoản lợi nhuận 42 tỷ đồng từ công ty liên kết theo phương pháp vốn chủ sở hữu (giảm khoảng 7 tỷ trong Q2). Trong Q2, WP cũng được phê duyệt đầu tư thêm 02 KCN trong nửa đầu năm 2024 (KCN Đồng Văn 5, Hà Nam -237ha; KCM Yên Lư, Bắc Giang - 120ha)

Dự án mở rộng giai đoạn 2 đang được tập trung thực hiện công tác pháp lý và đã đạt chấp thuận quy hoạch 1/2000. Công ty dự kiến sớm đạt quyết định đầu tư vào cuối năm 2024, sẽ thực hiện đầu tư và đến 2026 sẽ có sản phẩm thương mại.

TT	Các KCN công ty đang giam gia	Chủ đầu tư	Tỷ lệ sở hữu của PC1	Diện tích quy hoạch	Diện tích thương phẩm	Thời gian đầu tư	Giá cho thuê
1	KCN Yên Phong 2A- Bắc Ninh	Western Pacific	30,08%	159	101	2021-2025	165-167
2	Cụm CN Hà Nam	Western Pacific	30,08%	50	40	2021-2025	70-80
3	Nomura GD1- Hải Phòng	CTCP PT KCN Nhật Bản- Hải Phòng	70,0%	153		1994-2000	na
4	Nomura GD2- Hải Phòng	CTCP PT KCN Nhật Bản- Hải Phòng	70,0%	200	75%-80%	2024-2030	150-160
5	KCN Đồng Văn 5- Hà Nam	Western Pacific	30,08%	237	75%-80%	2024-2028	80-90
6	KCM Yên Lư- Bắc Giang	Western Pacific	30,08%	120	75%-80%	2024-2028	100-120
7	Kế hoạch đầu tư các KCN khác	PC1		3,000		Đến 2033	na

Nguồn: PC1, VPBankS Research tổng hợp

Lĩnh vực BDS nhà ở:

Doanh thu bất động sản thương mại trong kỳ đạt thấp do các dự án đã cơ bản kinh doanh hết. Trong Q3.2024 kế hoạch sẽ thực hiện khởi công dự án Tháp Vàng - Gia Lâm, trước đó công ty trúng đấu giá dự án với giá trị đầu tư 570 tỷ đồng. Ngoài dự án Gia Lâm có quy mô nhỏ, các dự án BDS khác chúng tôi đánh giá sẽ tiếp tục dời giai đoạn đầu tư và kinh doanh sang 2025-2028.

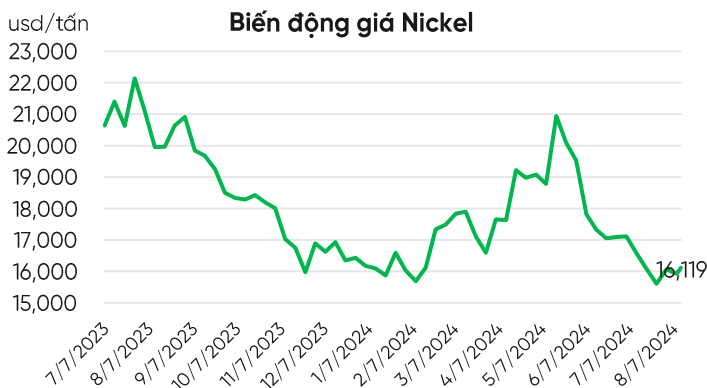
TT	Dự án	Vị trí	Quy mô	Giá trị đầu tư	Tiến độ dự kiến
1	Dự án khu nhà ở Tháp Vàng	Phú Thị- Gia Lâm- Hà Nội	Tổng diện tích khu đất: 16.862 m2 <ul style="list-style-type: none"> Diện tích đất thấp tầng: 15.085 m2: Mật độ xây dựng 88,2%, gồm 182 lô đất liền kề, chiều cao xây dựng 4 tầng. Đất thương mại dịch vụ: 848,5 m2 Đất bãi đỗ xe: 956 m2 	Tổng giá trị đầu tư: ~ 1.100 tỷ đồng, bao gồm: <ul style="list-style-type: none"> Giá trị đầu giá QSDĐ: 570 tỷ đồng Giá trị xây dựng: 450-500 tỷ đồng 	2024-2025

Nguồn: PC1, VPBankS Research tổng hợp

Lĩnh vực Khai thác khoáng sản: Doanh thu Q2 đạt 338 tỷ đồng (-28% qoq), lợi nhuận gộp đạt 37 tỷ đồng (-72% qoq), biên LNG giảm xuống 11% so với mức 28,2% của Q1, chủ yếu do giá Nickel trên thị trường giảm. Lũy kế 6 tháng, doanh thu đạt 816 tỷ đồng, Lợi nhuận gộp đạt 171 tỷ đồng. Trong 6 tháng, công ty đã xuất bán gần 32 nghìn tấn quặng, trong 6 tháng cuối năm, tiếp tục kế hoạch xuất bán khoảng 32-34 nghìn tấn, vượt kế hoạch 50 nghìn tấn đã xây dựng.

Giá Nickel trên thị trường thế giới có biến động mạnh trong 7 tháng đầu năm, tăng mạnh trong Q2 từ mức 17.000 usd/tấn lên 21.500 usd/tấn, tuy vậy giảm mạnh từ nửa cuối tháng 5 về dưới 16.000 usd/tấn vào cuối tháng 7.2024

Chỉ tiêu	Giá trị
Trữ lượng quặng sulfua cấp 122	3.5 triệu tấn
- Tinh quặng Nickel hàm lượng 10.3%	160,600 tấn
- Sản lượng Nickel (quy đổi hàm lượng 100%)	16,546 tấn
- Sản lượng Đồng	5,082 tấn
- Sản lượng Cobalt	914 tấn
Tổng giá trị đầu tư	2,500 tỷ đồng
- Quyền khai thác	1000 tỷ đồng
- Đầu tư tài sản cố định	1,500 tỷ đồng
Thời gian khai thác	8 năm
Kế hoạch đi vào hoạt động khai thác	Từ 2023



DỰ BÁO KẾT QUẢ KINH DOANH NĂM 2024

Cho năm 2024, chúng tôi dự báo doanh thu và lợi nhuận trước thuế của công ty lần lượt đạt 9.895 tỷ đồng và 683 tỷ đồng, tăng 27,3% và 75,4% so với năm 2023. Lợi nhuận sau thuế đạt 560 tỷ đồng, lợi nhuận thuộc cổ đông công ty mẹ đạt 379 tỷ đồng, thu nhập mỗi cổ phần đạt 1.218 đồng/cổ phần, tăng 168% so với năm 2023.

ĐỊNH GIÁ CỔ PHIẾU PC1

Xác định giá cổ phiếu theo phương pháp định giá từng phần - SOTP, giá trị cổ phiếu PC1 được xác định ở mức 34.060 đồng, cao hơn 21,6% thị giá hiện tại. Chúng tôi khuyến nghị MUA cổ phiếu PC1 cho khoản đầu tư trung hạn 12 tháng.

Tổng hợp định giá	Phương pháp định giá	Giá trị tài sản (tỷ đồng)	Giá trị cổ phần (đồng/cp)
Lĩnh vực Xây lắp, sản xuất công nghiệp	DCF	1,459	4,693
Lĩnh vực sản xuất điện	DCF	3,611	11,610
Lĩnh vực Bất động sản Nhà ở	NAV	767	2,467
Lĩnh vực Bất động sản KCN	NAV	2,923	9,398
Lĩnh vực khai khoáng	DCF	1,158	3,723
Lĩnh vực kinh doanh hàng hóa	DCF	127	409
Khác	BV	548	1,760
Tổng		10,593	34,061

Nguồn: PC1, VPBankS Research tổng hợp và dự báo

PHỤ LỤC TÀI CHÍNH

Kết quả kinh doanh				Lưu chuyển dòng tiền			
	2022A	2023A	2024F		2022A	2023A	2024F
Doanh thu	8,358	7,775	9,895	Dòng tiền thuần hđ kinh doanh	1,289	1,032	1,197
Giá vốn hàng bán	-6,763	-6,194	-8,092	Dòng tiền thuần hđ đầu tư	(3,808)	(55)	172
Lợi nhuận gộp	1,595	1,581	1,804	Dòng tiền thuần hđ tài chính	2,812	(1,492)	(320)
Doanh thu tài chính	95	183	174				
Chi phí tài chính	-767	-967	-985				
Lợi nhuận CTLK	1	2	158				
Chi phí bán hàng	8	-56	-59				
Chi phí qlđn	-285	-335	-396				
Lợi nhuận thuần hđkd	647	408	696				
Lợi nhuận trước thuế	606	390	683				
Lợi nhuận sau thuế	537	305	560				
Lợi nhuận cổ đông cty mẹ	460	142	379				
Thu nhập mỗi cổ phần	1,701	455	1,218				
Tài sản- Nguồn vốn				Hệ số tài chính			
	2022A	2023A	2024F		2022A	2023A	2024F
Tài sản ngắn hạn	7,913	6,867	8,922	Hệ số hiệu quả			
Tiền tương đương tiền	2,581	2,082	3,155	Biên lợi nhuận gộp	19.1%	20.3%	18.2%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	1,006	781	742	EBITDA Margin	23.9%	27.3%	24.8%
Khoản phải thu	3,174	2,820	3,389	Biên lợi nhuận ròng	5.5%	1.8%	3.8%
Hàng tồn kho	890	943	1,330	ROE	7.5%	4.2%	7.1%
Tài sản ngắn hạn khác	262	240	306	ROA	2.5%	1.5%	2.6%
Tài sản dài hạn	13,841	13,368	12,530	Hệ số tăng trưởng			
Tài sản cố định	10,175	10,907	10,116	Tăng trưởng doanh thu	-15.0%	-7.0%	27.3%
Tài sản dở dang dài hạn	1,376	108	200	Tăng trưởng LNTT	-32.4%	-35.7%	75.4%
Tài sản dài hạn khác	2,290	2,353	2,213	Tăng trưởng LNST	-29.7%	-43.3%	83.9%
Tổng tài sản	21,754	20,235	21,452	Tăng trưởng EPS	-47.6%	-73.2%	167.6%
Nợ phải trả	14,581	12,964	13,513	Hệ số thanh khoản			
Nợ phải trả ngắn hạn	5,950	4,715	5,782	Hệ số thanh toán hiện hành	1.33	1.46	1.54
Phải trả người bán ngắn hạn	2,254	1,774	2,660	Hệ số thanh toán nhanh	1.18	1.26	1.31
Vay và nợ ngắn hạn	3,677	2,838	3,038	Nợ phải trả/Tổng tài sản	0.67	0.64	0.63
Phải trả ngắn hạn khác	19	102	84	Nợ phải trả/Vốn chủ sở hữu	2.03	1.78	1.70
Nợ phải trả dài hạn	8,631	8,250	7,730	Hệ số đảm bảo chi phí lãi vay	1.79	1.40	1.69
Vay và nợ dài hạn	8,284	7,902	7,452				
Phải trả dài hạn khác	347	348	278				
Vốn chủ sở hữu	7,173	7,270	7,940	Hệ số định giá			
Vốn góp của chủ sở hữu	2,704	3,110	3,110	Lợi suất cổ tức	0.0%	0.0%	0.0%
Quỹ đầu tư phát triển	1,345	957	1,517	EPS (VND)	1,701	455	1,218
LNST chưa phân phối	1,067	1,116	1,117	BVPS (VND)	18,920	16,667	17,886
Lợi ích cổ đông thiểu số	2,057	2,087	2,196				
Tổng nguồn vốn	21,754	20,235	21,452				

Nguồn: BCTC PC1, VPBankS Research tổng hợp và dự báo

MIỄN TRỪ TRÁCH NHIỆM

Các thông tin, số liệu thống kê và khuyến nghị trong bản báo cáo này, bao gồm cả các nhận định cá nhân, được dựa trên các nguồn thông tin công bố đại chúng theo quy định của pháp luật, hoặc các nguồn thông tin mà chúng tôi cho rằng đáng tin cậy tính đến thời điểm phát hành báo cáo, Khối Nghiên Cứu chỉ sử dụng mà không thực hiện xác minh lại các thông tin này, do đó Khối Nghiên Cứu không đảm bảo về tính chính xác và đầy đủ của các thông tin này.

Các nhận định, khuyến nghị, so sánh trong bản báo cáo này được đưa ra dựa trên cơ sở phân tích chi tiết và cẩn trọng, theo đánh giá chủ quan của người lập là hợp lý tại thời điểm thực hiện báo cáo. Do đó các phân tích này có thể thay đổi trong tương lai theo tình hình biến động thực tế mà chúng tôi không có trách nhiệm tự động cập nhật liên tục, trừ trường hợp được yêu cầu chính thức từ Ban lãnh đạo Công ty hoặc ràng buộc trong các điều khoản điều kiện của hợp đồng kinh tế đã được công ty ký kết với các đối tác liên quan.

Báo cáo phân tích cùng các định giá nằm trong báo cáo phân tích (nếu có) nhằm mục đích tham khảo và không có giá trị pháp lý như một chứng thư thẩm định giá. Báo cáo phân tích và các tài liệu đi kèm được lập bởi Khối Nghiên Cứu – CTCP Chứng Khoán VPBank, tất cả các quyền sở hữu trí tuệ liên quan đến báo cáo này đều thuộc sở hữu của CTCP Chứng khoán VPBank. Công ty nghiêm cấm mọi việc sử dụng, in ấn, sao chép, tái xuất bản toàn bộ hoặc từng phần bản Báo cáo này vì bất cứ mục đích gì mà không có sự chấp thuận của Công ty.

THÔNG TIN LIÊN HỆ

Công ty Cổ phần Chứng khoán VPBank

Tầng 25, tòa nhà VPBANK, số 89 Láng Hạ, Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội

Điện thoại: 1900 636679

Email: cskh@vpbanks.com.vn

Website: www.vpbanks.com.vn

Phòng Phân tích Ngành và Cổ phiếu

Email: research@vpbanks.com